

Tìm hiểu quan hệ dòng họ trong hoạt động cúng giỗ ở nông thôn

(Qua khảo sát việc thực thao lễ giỗ tại
làng Đại Kim, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên)

ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO

Dòng họ có một vai trò và vị trí quan trọng trong cuộc sống của người Việt. Nó vừa là một thiết chế xã hội cơ bản mang tính truyền thống và kế tiếp, vừa là một môi trường văn hóa đặc thù. Từ sau khoán 10 (1988), khi các hộ gia đình nông dân được xác định trở lại là đơn vị kinh tế tự chủ, thì dòng họ và các quan hệ dòng họ có sự phục hưng mạnh mẽ, ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội.

Bài viết này đi vào tìm hiểu tính cố kết trong đời sống văn hóa - tín ngưỡng, mà cụ thể là hoạt động thực thao việc giỗ, qua khảo sát xã hội học nhóm chi họ Nguyễn Đoài, tách từ họ gốc ở vùng châu thổ sông Hồng lên cư trú tại Trung du Bắc Bộ (làng Đại Kim, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên). Khảo sát được tiến hành vào tháng 3 năm 2001.

Phương pháp thu thập thông tin cụ thể được vận dụng trong nghiên cứu này là phỏng vấn sâu (5 đối tượng là các thành viên của nhóm dòng họ Nguyễn Đoài được lựa chọn có tính tới yếu tố lứa tuổi, giới, uy tín xã hội, vai trò trong dòng họ) và phỏng vấn nhóm (thực hiện với một nhóm gồm 5 đối tượng là đại diện của nhóm dòng họ Nguyễn Đoài và các dòng họ khác trong địa bàn nghiên cứu). Ngoài ra, nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp phân tích tư liệu có sẵn, phương pháp quan sát...

Làng Đại Kim là một trong 5 thôn của xã Đồng Tiến - một xã nửa trung du, nửa đồng bằng thuộc huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Làng Đại Kim hình thành chủ yếu bởi dân cư có nguồn gốc từ cùng một khu vực nông thôn truyền thống ở châu thổ sông Hồng nên cấu trúc và phân chia địa vực của làng có nhiều nét tương đồng mang đặc điểm của làng cổ truyền so với khu vực quê gốc, châu thổ sông Hồng. Về cơ bản, tính chất cư trú theo quan hệ họ hàng vẫn là đáng kể so với quan hệ láng giềng. *Cư ngụ gần nhau để nương tựa vào nhau khi rủi ro, lúc hiểm nghèo là nguyên nhân quan trọng của sự cố kết dòng họ. Quan hệ huyết thống được bổ sung thêm bằng quan hệ địa vực càng làm cho dòng họ thêm vững chắc, ổn định.*

Tới nay, toàn bộ cư dân Đại Kim là dân di cư tới từ châu thổ sông Hồng, mà hầu hết gồm người gốc các làng thuộc xã Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh, trong đó họ Nguyễn Đoài là họ đông nhất.

Xét về *lịch sử di trú*, nhóm dòng họ Nguyễn Đoài ở khu vực Đại Kim được tách ra từ dòng họ Nguyễn Đoài gốc, hiện còn một bộ phận lớn đang cư trú tại làng Quan Đình, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Từ Đại Kim về Quan Đình khoảng 40 km, đi về thuận tiện. Cuộc di cư của nhóm họ Nguyễn Đoài bắt đầu từ giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám, tới nay được khoảng hơn 70 năm, với 4 đời sinh sống ở khu vực Đại Kim. Lý do di cư chủ yếu là khó khăn về kinh tế, không đủ ruộng, họ hàng theo nhau đi tìm đất sống. Tới nay, cơ cấu ngành nghề ở nhóm họ Nguyễn Đoài di cư có nhiều điểm giống với dòng họ gốc. Bên cạnh nghề chính là làm ruộng còn có nghề chăn nuôi, làm hàng xáo, nấu rượu.

Với tín ngưỡng tổ tiên, sùng bái tổ tiên, người Việt cho rằng con người là bất tử. Khi chết, sự tồn tại của con người chưa mất mà vẫn còn tiếp tục ở một nơi nào đó trong cõi vô định. Người ta thường nói “Cụ tôi khuất núi...”, với mong muốn kéo quá khứ về với hiện tại, muốn tổ tiên luôn luôn sống bên mình, sống với con cháu.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có hai lớp, tương ứng là gia đình và dòng tộc, có tác dụng quan trọng trong sự củng cố quan hệ gia đình, họ hàng. *Giỗ tổ* là việc tế lễ vị thủy tổ - người đầu tiên sáng lập ra dòng họ, vào dịp kỷ niệm hàng năm ngày mất của vị này. Xét ở chiều cạnh văn hoá, đây là sự thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” trong cộng đồng người Việt. Ngoài giỗ tổ, người ta còn tổ chức những ngày *giỗ gia tiên* khác (trong phạm vi vài ba đời trở lại) để kỷ niệm ngày mất của ông bà, cha mẹ.

Việc cúng giỗ là một trong những hình thức sinh hoạt văn hóa biểu hiện đậm nhất sức mạnh của sự cố kết dòng họ. Giỗ chạp là dịp để các thành viên dòng họ được trải nghiệm cảm giác an bình trong sự gắn bó ấm áp giữa những người còn sống hoặc đã mất, có cùng một mối liên hệ tình cảm và huyết thống với người được làm giỗ - nhân vật trung tâm của ngày giỗ, đặc biệt là được khẳng định vị thế của mình trong mạng lưới cộng đồng dòng họ. Chức năng xã hội đầu tiên của các cuộc lễ như vậy là biểu hiện các *giá trị xã hội* của cộng đồng và tái xác định những mối liên hệ đã gắn bó các nhóm lại với nhau.

Trên thực tế, phong tục thờ cúng tổ tiên là một hình thức góp phần hình thành và nuôi dưỡng tình cảm với gia đình, dòng họ, cách ứng xử trước công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ; sự thành kính với tổ tiên. Mỗi khi trong họ, trong nhà có giỗ, người ta coi như một lễ trọng và tổ chức rất chu đáo.

Như vậy nếu so với các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng khác thì việc giỗ tổ (cũng như giỗ gia tiên) đương nhiên là hình thức sinh hoạt riêng của mỗi gia đình và mỗi dòng họ. Dòng họ Nguyễn Đoài cũng không nằm ngoài quy luật phổ biến đó.

Vấn đề được xem xét từ hai hướng: mối quan hệ trong nội bộ nhóm họ Nguyễn Đoài ở Đại Kim và giữa nhóm này với họ gốc ở Quan Đình, trên cơ sở sự vận động theo chiều lịch đại của việc thực thao lễ. Thông qua phân tích hình thức tổ chức, cơ sở vật chất, phạm vi các thành viên tham dự để thấy được tính tích cực trong sự tham gia của thiết chế dòng họ cũng như sự thể hiện ý thức, vai trò của các cá nhân vào hoạt động của cộng đồng.

Theo kết quả khảo sát, hàng năm các thành viên của nhóm họ Nguyễn Đoàn ở Đại Kim quan tâm và tham dự vào các lễ giỗ như: một ngày chạp họ của toàn dòng họ Nguyễn Đoàn vào ngày 25 tháng 3 âm lịch; một ngày chạp họ của chi bốn (gọi là ngày chạp chi) vào ngày 5 tháng chạp âm lịch; một ngày giỗ trưởng chi Nguyễn Đoàn 4 vào ngày 16 tháng 3 âm lịch và một số lễ giỗ gia tiên của từng cụm gia đình. Các buổi giỗ này được tổ chức với quy mô, cách thức và tại các địa điểm khác nhau, tùy thuộc vào vị trí trong phả hệ dòng họ của nhân vật được làm giỗ.

Ngoài những lễ giỗ trong phạm vi chi họ bốn Nguyễn Đoàn, hàng năm chi họ cử đại diện về tham dự lễ giỗ tổ của toàn dòng họ Nguyễn Đoàn ở Quan Đình. Ông tổ của họ Nguyễn Đoàn là cụ Thượng Tôn. Lễ giỗ này được tổ chức vào ngày 25 tháng 3 âm lịch hàng năm với sự tham dự của đầy đủ đại diện 5 chi họ Nguyễn Đoàn. Trong dịp này đại diện của chi thường là trưởng chi cùng một số thành viên nam giới của các cành trong chi.

Trong các lễ giỗ gia tiên của các cụm gia đình, những người tham gia gồm các thành viên trong gia đình người được giỗ trong phạm vi quan hệ huyết thống khoảng 2-3 đời. Nơi tổ chức lễ là ngôi nhà có đặt bàn thờ người đã mất. Quy mô tổ chức tùy thuộc vào số người tham dự và mức vật chất mà những người đó góp phần vào làm giỗ. Vật chất đóng góp có thể là gạo, thịt, rượu... hoặc góp bằng tiền mặt, với mức tùy tâm và tùy thuộc hoàn cảnh kinh tế vào thời điểm làm giỗ của các thành viên trong họ.

Một thí dụ về lễ giỗ ở nhà ông B., tại Đại Kim: *“Tôi là con trưởng. Một năm tôi lo có 2 cái giỗ. Giỗ bà cụ mẹ thì tháng 2, mà giỗ ông cụ thì tháng 10. Tôi có bao nhiêu, còn thì ông Ng. với ông em ngoài kia góp vào mỗi ông tầm 50 nghìn lo giỗ. Con cháu thì hôm ấy loan báo nó đến. Đại khái cũng làm dăm ba mâm hạp mặt. Mà cũng đại khái thôi. Tùy điều kiện, các ông ấy góp được nhiều tiền thì mình sắp nhiều mà ít thì mình sắp ít, có thể thôi. Các ông thì mỗi ông tự giác tầm 5 chục, còn các bà con gái thì tùy tâm, chỉ có lễ quả với thẻ hương cũng được”* (Nguyễn Văn B., Nam, 75 tuổi, Nông dân, học vấn lớp 5/10).

Với sự linh hoạt trong cách tổ chức, mức độ đóng góp tài chính và do mối quan hệ dòng họ ở mức rất gần thì độ cố kết càng mạnh; đến mức đảm bảo cho các lễ giỗ ở phạm vi cụm gia đình được duy trì đều đặn như vậy từ xa xưa, hầu như không bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế - xã hội của các thành viên nói riêng cũng như của toàn xã hội nói chung.

Lễ giỗ trưởng chi Nguyễn Đoàn bốn - bố chồng bà K., đồng thời là trưởng nhánh thứ nhất của chi họ, được tổ chức tại nhà bà K. tại Đại Kim vào ngày 16 tháng 3 âm lịch (ông em, tức trưởng nhánh thứ hai của chi bốn được giỗ tại nhà cháu đích tôn là ông A., tại Quan Đình). Lễ giỗ này cũng được tổ chức đều đặn hàng năm, song có sự thay đổi về quy mô và nội dung hoạt động. Mỗi gia đình trong chi ở Đại Kim và các vùng áp khác (thuộc nhánh nhất), không cần phải báo mà cứ nhớ và tự động cử ít nhất một đại diện về dự lễ giỗ. Giai đoạn trước 1989 và từ năm 1997 trở lại đây, kinh phí cho lễ giỗ này do gia đình bà K. chịu phần cơ bản, các gia đình khác thì tùy theo quan hệ họ hàng gần hay xa với người được giỗ mà có lễ quả với giá trị tương xứng để *“sắp một hai mâm, trong nhà*

cúng cụ xong rồi ăn thôi” (Bà Nguyễn Thị K., Nữ, 62 tuổi, Nông dân, Lớp 7/10).

Sở dĩ có sự không liên tục về hình thức tổ chức này là vì trong thời kỳ 1990-1996, nhóm họ ở Đại Kim và các vùng ấp có ý muốn tách ra khỏi dòng họ ở Quan Đình để có một ngày chạp họ riêng. Ngày chạp họ riêng được tổ chức vào cùng với ngày giỗ ông trưởng nhánh, tại nhà bà K.. Về điều kiện kinh tế - xã hội, tính đến lúc này số đình nói riêng và số nhân khẩu nói chung của nhóm họ Nguyễn Đoàn ở Đại Kim đã chiếm tới 2/3 chi bốn, có cơ sở kinh tế tạm ổn định và thêm vào đó là điều kiện phương tiện giao thông về Quan Đình còn chưa được thuận tiện, chủ yếu là phải đi tàu và xe khách chứ xe máy chỉ mới rất ít nhà có.

Tuy nhiên việc tách họ ra là có tính hình thức, về bản chất không phải là “ly khai” dòng họ. Trong các năm, lễ giỗ ở nhà bà K. vẫn có đại diện của chi ở Quan Đình về chứ “*không bỏ bẵng*”. Trong ngày chạp chi ở Quan Đình vẫn có đại diện của các nhóm ở Đại Kim và các ấp về dự. Mọi hoạt động khác vẫn có sự tham gia với tư cách là trưởng chi bốn của chồng bà K. (cho tới 1992) và bà K. (1992 tới nay). Trong thời kỳ làm chạp họ riêng, phần kinh phí được huy động như sau: “*Tất cả Phổ Yên, Bắc Giang, đại diện Quan Đình ngày 16 tháng 3 phải tập trung đến đây để cúng giỗ. Cúng giỗ là đóng tiền để cúng cụ, trước cúng sau ăn. Mua sắm hết bao nhiêu tiền thì chia đều ra mỗi người đóng. Tính hết những người đến ăn, kể cả đàn ông đàn bà, kể cả con gái*” (Bà Nguyễn Thị K., Nữ, 62 tuổi, Nông dân, Lớp 7/10).

Cho tới năm 1996, cùng với trào lưu tìm về cội nguồn của các dòng họ, trong dòng họ gốc ở Quan Đình có ý kiến không đồng ý với việc tách họ ra riêng ở Đại Kim. Bà K. cho biết: “*Về làng người ta phê bình là trong nội tộc có một cụ Thượng xưa sinh ra 3 ông cụ con. Nếu bây giờ trên này cũng làm giỗ cụ Thượng mà dưới quê cũng làm giỗ cụ Thượng thì lảm cụ Đại Tôn thế. Họp bàn để hàng năm tất cả trên các ấp phải về quê cha đất tổ để chạp họ theo như các cụ xa xưa. Đây là toàn bộ ý kiến của dòng tộc, để cho nó con cháu sau này nó còn nhớ về cội nguồn, gắn bó. Hơn nữa ngôi mộ các cụ tôi lại cũng ở nhà quê chứ không phải ở trên này, cho nên vẫn muốn quy về một mối ở Quan Đình*”. Nguyên nhân sâu xa của việc quay lại nếp cũ này là cho “*đúng cái lễ lối tôn ti trật tự về cội nguồn*” (Nguyễn Văn B., Nam, 75 tuổi, nông dân, Lớp 5/10).

Theo chúng tôi, đây cũng là một biểu hiện của sức mạnh gắn kết cộng đồng dòng họ vốn có của các dòng họ ở châu thổ sông Hồng nói chung và dòng họ Nguyễn Đoàn nói riêng. Sức mạnh ấy đảm bảo cho sự quy tụ các thành viên về một mối quan hệ bền bỉ, thân thiết không gì thay thế được, duy trì số lượng thành viên ở mức độ đồng nhất có thể - đáp ứng một tiêu chuẩn để đánh giá sức mạnh của dòng họ, niềm tự hào của mỗi cá nhân: “*Họ nhà tôi thì cũng tương đối mạnh đấy. To nhất làng mà lại*” (Nguyễn Văn Ng., Nam, 74 tuổi, Nông dân, lớp 7/10). Đồng thời, khi tham gia việc giỗ, vào giờ phút cử hành nghi lễ cúng, các thành viên được hưởng cảm giác đang tồn tại trong mạng lưới quan hệ xã hội không chỉ với những người đang sống mà cả với cha ông - những người đã khuất, theo một tôn ty trật tự mà trong đó cá nhân đó có một phận vị nhất định, nhắc nhở anh ta về những nghĩa vụ phải thực hiện trước gia đình, dòng họ. Chính lúc này, nhu cầu gắn bó về mặt tâm linh với cộng đồng của cá nhân được thỏa mãn.

Đó cũng chính là ý nghĩa sâu xa của lễ *chạp chi* kỷ niệm ngày mất của cụ Đại Tôn (trưởng chi đầu tiên của chi bốn Nguyễn Đoài) - được tổ chức tại nhà thờ chi tại Quan Đình vào ngày 5 tháng chạp âm lịch hàng năm. Có thể nói đây là lễ giỗ lớn nhất của chi cả về vị thế của người được giỗ, quy mô tổ chức và mức độ phong phú trong nội dung sinh hoạt dòng họ.

Thành phần tham dự lễ gồm mỗi gia đình thuộc nội tộc của chi họ bốn bắt buộc phải có ít nhất một đại diện, ngoài ra những người con gái của chi đã xuất giá cũng được mời về. Việc mời những người con gái đã xuất giá được tiến hành rất cẩn trọng và đầy đủ: *“Con gái nó xuất giá đi rồi thì nó không thể là thành viên ở đây được cho nên phải mời. Người con dâu trưởng tộc phải đi mời. Phải được lời mời thì họ mới đến. Không được mời người ta cũng trách, cũng tủi ấy chứ. Chỉ mời con gái chứ không mời rể. Họ nhà tôi từ xưa vẫn thế”*. Những người con dâu được tính là người trong nhà nên: *“Con dâu thì cũng như con trai, cũng là một thành viên trong gia đình. Thường thường những nhà người ta còn cả chồng cả vợ thì người đàn ông đi, còn những nhà mà chồng chết rồi thì các bà con dâu phải đi. Tức là phải gánh trách nhiệm hộ chồng mình trong khi con mình chưa lớn”* (Bà Nguyễn Thị K., Nữ, 62 tuổi, Nông dân, Lớp 7/10).

Vai trò của các thành viên cũng có sự phân công rõ ràng theo giới. Cũng theo bà K. cho biết: *“Việc họ là dâu phải gánh. Đàn ông là làm lễ nghi. Đàn bà là làm nội trợ, cơm nước lo lắng để thực hiện buổi ấy. Các ông lên là làm lễ thôi”*.

Ngược dòng lịch sử nhân loại, ta thấy giữa tổ chức xã hội phụ hệ và tổ chức xã hội mẫu hệ có sự khác biệt trong quyền tham gia hoạt động tín ngưỡng của người con gái khi đã lấy chồng. Ở chế độ mẫu hệ, sau lễ cưới, người con trai về ở hẳn nhà vợ, nhưng bên cạnh sự tham gia vào hoạt động tôn giáo ở bên nhà vợ, họ vẫn có quyền được tham dự vào hoạt động tôn giáo bên cha mẹ đẻ. Còn người con gái khi đã về ở nhà chồng trong chế độ phụ hệ thì không được quyền đó nữa. Trong cái nền tổ chức thiết chế dòng họ ở châu thổ sông Hồng, khi mà mô hình phụ hệ đóng vai trò chủ đạo gần như tuyệt đối cùng tư tưởng trọng nam khinh nữ còn phổ biến, thì ở trường hợp họ Nguyễn Đoài, việc người con gái đã xuất giá vẫn còn được tham gia một phần vào hoạt động tín ngưỡng của dòng họ với tư cách khách mời chính thức là một điểm khác biệt đặc sắc. Hơn nữa, người con gái không chỉ là khách, mà sự có mặt của họ, ở chừng mực nhất định, còn mang tính nghĩa vụ ràng buộc: *“Con gái được mời nhưng không đến thì cũng bị phê bình ở chỗ hôm nay chạp họ, gái họ xuất giá, được mời mà tại sao lại không đến. Cũng có mấy người bị rồi. Phê bình vì không gắn bó với họ”* (Nguyễn Văn B., Nam, 75 tuổi, Nông dân, lớp 5/10).

Như vậy, cách phân công vai trò và trách nhiệm của các thành viên cũng như việc dành phần tham dự cho con gái đã xuất giá thể hiện một phần tính chặt chẽ trong tổ chức của buổi lễ. Thêm vào đó, việc cho phép người con gái đã xuất giá tiếp tục tham gia vào hoạt động tín ngưỡng của dòng họ cũng có ý nghĩa phần nào làm tăng sức mạnh cộng đồng và hướng tới mục tiêu tăng cường tính cố kết của dòng tộc.

Cơ sở kinh tế của lễ *chạp chi* được hình thành theo cách bỏ đều chi phí cho các đầu đình có mặt: *“Ở nhà (Quan Đình) người ta bố trí độ bao nhiêu mâm, mua hết bao*

nhieu đấỵ thì hôm ấy chia đều số đĩnh ra mỗi người 10 nghìn hay 8 nghìn nộỵ vào. Tức là tự góỵ tiền vào để chặỵ họ chứ không phải chặỵ bằng quỹ họ” (Nguyễn Văn Ng., Nam, 74 tuổi, nông dân, lớp 7/10). Còn con dâu đã đượỵ tính là người trong nhà thì không phải đốỵng tiền. Riêng với con gái xuất giá đượỵ mời đến thì *“nên có quà thấỵ hương thoi chứ không bắt buộỵ”* (Nguyễn Văn B., Nam, 75 tuổi, nông dân, lớp 5/10).

Nội dung hoạt độnỵ của buổi chặỵ chi gồm các phần: *“Chi tộc đã bàn soạn là đứng ngày mông 5 thắng chặỵ từ 8 giờ sáng đến 9 giờ sáng phải có mặt đờng đủ ở nhà để thứ nhất là đi tảo mộ cho các cụ, đờng thời lễ tạ ngôi mộ của cụ tổ. Làm ở ngoài đờng xong về cúng cụ rồi họp bàn. Họp bàn rút ưu khuyết điểմ toàn bộ các công việc rồi bắt đầu mới ăỵ uống. Thường thường hàng năm vào ngày chặỵ họ cứ phải 1 giờ - 1 rưỡi chiều mới đượỵ ăỵ cơm”* (bà Nguyễn Thị K., Nữ, 62 tuổi, nông dân, lớp 7/10).

Nhìn lại lịch sử chi họ bốn Nguyễn Đòai thì việc chặỵ chi đượỵ tiến hành đều đặn hàng năm: *“Trướỵ, thời các cụ tôi cũng chặỵ họ vào ngày mông 5 thắng chặỵ. ở đờng tộc nhà tôi bao giờ cũng như thế này, kể cả từ xa xưa đến bây giờ. Lúc no cũng như lúc đói, thời chiến tranh cũng như thời bình. Từ thời các cụ tổ trở xuống đến giờ bao giờ cũng duy trì cái này”* (Bà Nguyễn Thị K., Nữ, 62 tuổi, nông dân, Lớp 7/10). Tuy nhiên, ngoài giai đọan nhóm họ Nguyễn Đòai ở Đại Kim tách ra như đã nói trên, do những nguyên nhân khách quan, nội dung buổi lễ có phần thay đổi trong một khoảng thời gian: *“Đến chiến tranh, tức là từ những năm mà Mỹ đắnh phá miền Bắc, là tầm từ 65, 70 trở lại đến giải phỏng miền Nam ấy, thì cũng gián đọan đi mất một thời. Hoạt độnỵ công việc vẫn y như thế, chỉ không có họp họ. Sau khi hoà bình lại nói tiếp ngay”* (Bà Nguyễn Thị K., Nữ, 62 tuổi, nông dân, Lớp 7/10).

Cho tới nay, so với thời gian trướỵ đổi mới thì: *“Khác nhiều chứ. Họp họ bây giờ bàn bạc chi tiết hơn nhiều. Bây giờ có bàn bạc, có tìm lại mới biết ông nào di cư đi ở đầu là ở chi nào, vai trên vai dưới mà xưng hô chứ, mới gom đượỵ nhau về chứ. Hồi bao cấp tôi chả thấy có gì sắỵ. Vì bấy giờ Nhà nước cũng chưa đề xuất ra vấn đề tìm cội nguồỵ, tự do tín nguồỵ, tu bổ chùa chiềỵ”* (Nguyễn Văn Ng., Nam, 74 tuổi, nông dân, lớp 7/10).

Như vậy, sự vận độnỵ trong hoạt độnỵ chặỵ họ, giỗ tổ ở nhóm đượỵ nghiên cứu cũng là phù hợp với xu hướng phục hưng chung của hoạt độnỵ dòng họ ở châu thổ sông Hồng. Hoạt độnỵ này đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc củng cố tính cố kết và tôn ty trật tự giữa các thành viên trong cộng đờng họ tộc. Nhìn rộng hơn, đây cũng là sự khẳng địnỵ ý nghĩa của tín nguồỵ thờ tổ tiên, đượỵ xem là một nét đặỵ sắc trong sinh hoạt văn hóa châu Á: việc thờ cúng tổ tiên là một phương tiện có quyền lực tạo ra và củng cố mỗi đòan kết dòng họ.

Có thể nhận xét, việc cúng giỗ đượỵ các thành viên trong cộng đờng nhóm họ Nguyễn Đòai nhiệt tình tham gia. Với những buổi tế lễ và sau đó là tiệc tùng vui vẻ mà các quan hệ dòng họ thường xuyên đượỵ tái chuẩn nhận, đặt cơ sở cho sự liên kết, hợp tác hay giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống hàng ngày. Các khuôn mẫu có tính áp chế, kèm theo những hình thức kiểm soát, của đờng tộc đã có tác độnỵ địnỵ vị hành độnỵ của thành viên ở các vai trò và vị thế khác nhau trong trật tự dòng họ, đảm bảo sự thống nhất và đòan kết cộng đờng.

Tuy nhiên, cùng với tính áp buộc, sự linh hoạt về hình thức và số lượng đóng góp cũng lại là một yếu tố tạo điều kiện cho các cá nhân và các gia đình trong họ thể hiện vai trò của mình. Không phân biệt khả năng kinh tế và địa vị trong mạng lưới xã hội, mỗi hộ gia đình đều có thể tham gia vào các công việc chung của dòng họ, đồng thời cũng nhận được sự hỗ trợ, bảo hiểm từ phía dòng họ về mặt vật chất và tinh thần khi đứng trước những công việc lớn lao trong cuộc đời mà có thể tự thân họ không đủ sức hoàn thành. Đó chính là bản chất của tính cố kết trong quan hệ dòng họ ở lĩnh vực văn hóa - tín ngưỡng.

Tựu trung, việc cúng giỗ, với ý nghĩa là một nghi lễ đoàn kết, từ xưa đến nay vẫn được các nhóm xã hội nói chung và chi họ Nguyễn Đoài bốn nói riêng thực thao như một nhu cầu xã hội. Dù đã hơn nửa thế kỷ di cư đến vùng đất mới và trải qua nhiều thăng trầm, song trong đời sống kinh tế - xã hội nói chung, và đời sống văn hóa tín ngưỡng nói riêng, của nhóm họ Nguyễn Đoài ở Đại Kim về cơ bản vẫn giữ mối liên hệ chặt chẽ cả về hình thức và nội dung với dòng họ ở quê gốc thông qua việc tham dự các hoạt động văn hóa - tín ngưỡng nói chung và hoạt động giỗ tổ, giỗ gia tiên nói riêng.

Điều này có thể lý giải một phần do khoảng cách từ quê gốc tới nơi di trú không quá xa nên mối liên hệ với họ gốc hầu như không bị gián đoạn. Mặt khác, trong cộng đồng làng mới thì nhóm họ Nguyễn Đoài di cư chiếm phần trội hơn cả về số lượng nhân khẩu lẫn độ chụm cư trú, và đặc biệt, cộng đồng làng mới này cơ bản được lập nên bởi các nhóm họ di cư từ cùng một tiểu không gian văn hóa gốc tương đối đồng nhất trong vùng châu thổ sông Hồng, nên việc di thực không gây biến đổi đáng kể trong đời sống văn hóa - tín ngưỡng của nhóm.

Tài liệu tham khảo

1. Gourou Pièrre. *Người nông dân châu thổ Bắc Bộ*, bản dịch tiếng Việt, Tư liệu Viện Xã hội học, Ký hiệu TL 1766.
2. Grant Evans (chủ biên). *Bức khám văn hóa châu Á. Tiếp cận nhân học*. NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2001.
3. Tô Duy Hợp. *Phát triển cộng đồng lý thuyết và vận dụng*. NXB Văn hóa - thông tin, Hà Nội, 2000.
4. Mai Văn Hai, Phan Đại Doãn. *Quan hệ dòng họ ở châu thổ Sông Hồng*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
5. Phan Đại Doãn. *Làng xã Việt Nam, một số vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
6. Phòng Xã hội học Phúc lợi xã hội. *Hệ thống phúc lợi xã hội và tình hình phúc lợi xã hội năm 2000 (Báo cáo xã hội năm 2000 - đề tài nhánh)*. Viện Xã hội học, Hà Nội, 2000. Lưu tại thư viện Xã hội học, ký hiệu TL 2618.
7. Trịnh Thị Quang. *Mấy vấn đề quan hệ thân tộc ở nông thôn*. Tạp chí Xã hội học, số 2, năm 1984.
8. Đặng Cảnh Khanh. *Các nhân tố phi kinh tế - xã hội học về sự phát triển*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.
9. Trần Từ. *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.
10. Lê Sĩ Giáo (chủ biên). *Dân tộc học đại cương*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.